

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1088/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Ái N, sinh năm 1995

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường Mỹ P, thị xã B, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Dương Quốc A, sinh năm 1989

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Tạm trú: Đường 30/4, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 24/11/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Ái N trình bày:

Bà N và ông Dương Quốc A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh B vào ngày 19/9/2014, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian

đầu bà N và ông A chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A thường xuyên đi nhậu, không lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế cho gia đình. Ngoài ra, ông A còn sử dụng ma túy và nhiều lần đánh đập bà N. Ông A có thời gian đi cai nghiện từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 4 năm 2020. Khi hết thời gian cai nghiện, ông A vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Bà N và ông A đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông A kéo dài đã lâu, đến mức trầm trọng không thể hàn gắn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà N và ông A có 01 con chung là cháu Dương Quốc M, sinh ngày 14/01/2015, bà N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, bà N có đơn đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông A. Tuy nhiên, ông A không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn phản tố đối với nguyên đơn.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn ông Dương Quốc A có hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, phường M, thị xã Bến Cát, tỉnh B và tạm trú tại khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về việc xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn đã có ý kiến xin được xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo thủ tục chung được quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi bị đơn ông A cư trú, Công an phường M xác nhận bị đơn ông A có hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B và tạm trú tại khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B. Hiện ông A vẫn còn cư trú tại địa chỉ trên. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông A nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông A.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông A tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2014 tại UBND phường M, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Như vậy, hôn nhân giữa bà N và ông A là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà N cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông A đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông A.

Xét thấy, quá trình làm việc tại Tòa án, ông A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án và ông cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định. Tại Biên bản xác minh ngày 05/3/2021, Đại diện Ban quản lý khu phố 2, phường M xác nhận: Ông Dương Quốc A bị nghiện ma túy, có thời gian đi cai nghiện sau đó trở về nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm rõ, hiện bà N và ông A đã ly thân.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần giải quyết dứt điểm để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[4] Về con chung: Bà N và ông A có 01 con chung là cháu Dương Quốc M, sinh ngày 14/01/2015. Xét thấy, hiện nay cháu M đang ở với bà N, ông A không tham gia tố tụng, không có ý kiến về vấn đề con chung chứng tỏ ông A không quan tâm đến vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ái N đối với bị đơn ông Dương Quốc A về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ái N được ly hôn với ông Dương Quốc A.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Quốc M, sinh ngày 14/01/2015 cho bà Phạm Ái N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Bà N và ông A đều có quyền và nghĩa vụ với con chung, ông A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được quyền cản trở ông A thực hiện các quyền này. Khi cần thiết, vì lợi ích của các con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Phạm Ái N phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0054044 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường M,
thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị N Bích

